

Số: 07/2025/QĐST-HNGĐ

Điện Biên Phủ, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa:

Bà **Nguyễn Thị Bích T**, địa chỉ: Số nhà G, tổ dân phố A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Ông **Nguyễn Đức T1**, địa chỉ: Số nhà G, tổ dân phố A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ:

Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Đức T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Đức T1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Đức T1 có một con chung là cháu Nguyễn Nguyên Phúc T2, sinh ngày 17/11/2015. Ông T1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Ông T1 và bà T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Bà T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001083 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Hoàn trả lại cho bà T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về thi hành án dân sự: Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND. TP Điện Biên Phủ;
- UBND phường Nam Thanh, TP Điện Biên Phủ (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS TP Điện Biên Phủ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định

